TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 09-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Minh Trí

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên- Là Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Đình T, sinh năm 1987 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh C và bà Võ Thị R; có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 31/3/2017 bị cáo bị Công an xã L, huyện N xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Ngày 24/9/2010, bị cáo bị Ủy ban nhân dân huyện N đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Đồng Nai; bị bắt, tạm giam ngày 10/10/2017 đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Văn M, sinh năm 1994 tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Khóm Nguyễn Út, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 31/3/2017 bị cáo bị Công an xã L, huyện N xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Không; bị bắt, tạm giam ngày 10/10/2017 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H S

Địa chỉ: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà Gilimex, Số 24C đường Phan Đăng Lưu, phường P, phường 6, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N- Chức danh: Tổng giám đốc. (vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ Người làm chứng:

1. Bà Đào Thị N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

2. Bà Nguyễn Thị Vân N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai

3. Bà Lê Thị Hoa, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 9, ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đình T và Nguyễn Văn M là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Để có tiền sử dụng ma túy, T rủ M lén lút chiếm đoạt cốt pha của ông Bùi Ngọc T là chủ thầu đang xây dựng công trình cống thoát nước dọc tuyến đường Hùng Vương thuộc ấp 2, xã L, huyện N. Từ ngày 15/8/2017 đến ngày 21/8/2017, T và M đã lén lút thực hiện 03 vụ chiếm đoạt cốt pha của ông Bùi Ngọc T cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 00 giờ ngày 15/8/2017, T điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu đen- trắng biển số 83P3-137.06 chở Mía chạy trên đường Hùng Vương thuộc ấp 2, xã L và chiếm đoạt 05 tấm cốt pha định hình bằng sắt có đặc điểm như sau: 01 tấm khổ 0,4m x 1,2m; 01 tấm khổ 0,6m x 1,2m; 03 tấm khổ 0,5m x 1,2m đem đến để ở bãi đất trống kế bên cơ sở thu mua phế liệu NH trên đường Nguyễn Ái Quốc thuộc ấp 2, xã L. Sau đó, Tiên và Mía bán số cốt pha trên cho chị Đào Thị N – chủ cơ sở thu mua phế liệu Ngân Hà được số tiền 220.000đ, số tiền này T và M đã mua ma túy sử dụng hết.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 02 giờ ngày 20/8/2017, T tiếp tục chở M bằng xe mô tô hiệu Sirius màu đen- trắng biển số 83P3-137.06 đến đoạn đường Hùng Vương thuộc ấp 2, xã L, nơi có số cốt pha đang để ở lề đường và chiếm đoạt 06 tấm cốt pha định hình bằng sắt có đặc điểm như sau: 01 tấm khổ 0,45m x 1,2m, 02 tấm khổ

0,5m x 2m; 03 tấm khổ 0,5m x 1,2m rồi chở đi cất giấu ở bãi đất trống thuộc ấp 2, xã L. Đến sáng ngày 21/8/2017, T và M đem 04 tấm cốt pha chiếm đoạt được đến vựa thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị Vân N bán được số tiền 360.000đ. Sau đó, T và M đem 02 tấm cốt pha còn lại đến vựa thu mua phế liệu của chị N để bán nhưng chưa lấy tiền. Số tiền bán 04 tấm cốt pha trên, T và M đã dùng mua ma túy sử dụng hết.

Vụ thứ 3: Khoảng 02 giờ ngày 21/8/2017, T tiếp tục chở M bằng xe mô tô hiệu Sirius màu đen- trắng biển số 83P3-137.06 đến đoạn đường Hùng Vương thuộc ấp 2, xã L và chiếm đoạt 10 tấm cốt pha có đặc điểm như sau: 08 tấm khổ 0,5m x 2m; 02 tấm khổ 0,5m x 1,2m. Sau đó, T và M chở đến bãi đất trống gần cơ sở thu mua phế liệu NH thuộc ấp 2, xã L để cất giấu. Đến ngày 22/8/2017, T và M chở 10 tấm cốt pha đến bán cho chị N và cộng thêm 02 tấm cốt pha chưa lấy tiền nên chị N trả cho T và M số tiền 1.320.000đ. T và M sử dụng số tiền này để mua ma túy sử dụng hết.

Các bị cáo Trần Đình T và Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 21 tấm cốt pha định hình bằng sắt các loại đã được trả lại cho ông Bùi Ngọc T.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 83P3-137.06 của Nguyễn Văn M.

Tại bản kết luận định giá số 180/KLĐG-HĐĐG ngày 29/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N định giá số cốt pha mà Trần Đình T và Nguyễn Văn M đã chiếm đoạt vào các ngày 15/8/2017, 20/8/2017 và ngày 21/8/2017 tại ấp 2, xã L như sau:

+ Ngày 15/8/2017 gồm 05 tấm cốt pha có tổng giá trị là 1.668.600đ.

+ Ngày 20/8/2017 gồm 06 tấm cốt pha có tổng giá trị là 2.624.400đ.

+ Ngày 21/8/2017 gồm 10 tấm cốt pha có tổng giá trị là 5.864.400đ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo T và M chiếm đoạt có giá trị là 10.157.400đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 05/CT.VKS-HS ngày 29/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Trần Đình T và Nguyễn Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử có lợi cho các bị cáo:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 14 đến 16 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 12 đến 14 tháng tù.

+ Về biện pháp tư pháp: Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe mô tô biển số 83P3-137.06 của Nguyễn Văn M sử dụng vào việc phạm tội.

+ Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại và bị hại cũng không yêu cầu gì thêm nên không xét.

Các bị cáo không có ý kiến gì đối về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo T và M tại phiên tòa: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, đã ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội các bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Đình T và Nguyễn Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Ngày 15/8/2017, tại đoạn đường Hùng Vương thuộc ấp 2, xã L, huyện N, T và M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 05 tấm cốt pha định hình bằng sắt của ông Bùi Ngọc T, có đặc điểm như sau: 01 tấm khổ 0,4m x 1,2m; 01 tấm khổ 0,6m x 1,2m; 03 tấm khổ 0,5m x 1,2m. 05 tấm cốt pha trên có giá trị là 1.668.600đ. Sau đó, bị cáo T và M đem bán cho chị Đào Thị N được số tiền 220.000đ để mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết.

Ngày 20/8/2017, tại đoạn đường Hùng Vương thuộc ấp 2, xã L, huyện N, T và M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 06 tấm cốt pha định hình bằng sắt của ông

Bùi Ngọc T, có đặc điểm như sau: 01 tấm khổ 0,45 x 1,2m, 02 tấm khổ 0,5m x 2m; 03 tấm khổ 0,5m x 1,2m. 06 tấm cốt pha trên có giá trị là 2.624.400đ. Sau đó, bị cáo T và M đem bán cho chị Nguyễn Thị Vân N được số tiền 360.000đ để mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết.

Ngày 21/8/2017, tại đoạn đường Hùng Vương thuộc ấp 2, xã L, huyện N, T và M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 10 tấm cốt pha định hình bằng sắt của ông Bùi Ngọc Truyền, có đặc điểm như sau: 08 tấm khổ 0,5m x 2m; 02 tấm khổ 0,5m x 1,2m; 10 tấm cốt pha nêu trên có giá trị là 5.864.400đ. Sau đó, bị cáo Tiên và Mía đem bán cho chị Đào Thị N được số tiền 1.320.000đ để mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết.

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố để kết luận các bị cáo Trần Đình T và Nguyễn Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để mua ma túy về sử dụng và tiêu xài nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Các bị cáo đều có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đang trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng đã thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo Tiên còn có nhân thân không tốt, thể hiện vào năm 2010 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc và chấp hành xong ngày 09/11/2012. Vì vậy, các bị cáo phải nhận hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có tài sản và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo T và M tham gia với vai trò đồng phạm. Bị cáo T là người có vai trò chính, là người đề xuất, rủ bị cáo M và trực tiếp cùng bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo M, sau khi được rủ rê thì đồng ý ngay và tham gia tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Ti cao hơn bị cáo M.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Tvà M đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho ông Bùi Ngọc T và ông T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về biện pháp tư pháp: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 83P3-137.06 của bị cáo Nguyễn Văn M được các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với bà Đào Thị N và bà Nguyễn Thị Vân N đã mua các tài sản do T và M trộm cắp đem đến bán nhưng không biết tài sản trên do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HS nhận thế chấp xe mô tô biển số 83P3-137.06 để cho Nguyễn Văn M vay tiền, do M sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HS được quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo M thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về áp dụng pháp luật: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị truy tố theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng đến ngày xét xử, Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật; tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội trộm cắp tài sản quy định khung hình phạt nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo là có lợi cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Đình T và Nguyễn Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Trần Đình T 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2017.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 83P3-137.06 của bị cáo Nguyễn Văn M sử dụng làm phương tiện phạm tội. (Xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 83P3-137.06 hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/01/2018).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo T và M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HS vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo, người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm